

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU  
**TRƯỜNG MN DIỄN HỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 80/BCTN-TrMN

*Diễn Hồng, ngày 29 tháng 6 năm 2025*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2025**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên trường:** Trường Mầm non Diễn Hồng

**2. Địa chỉ:** Trường có 2 cơ sở. Cổng chính: Xóm Trung Hồng xã Diễn Hồng, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Số điện thoại:

Trang thông tin điện tử Website: <https://mamnondienhong.dienchau.edu.vn>

**3. Loại hình trường:** Trường hoạt động theo quy chế tổ chức của trường công lập

**4. Sứ mệnh tầm nhìn mục tiêu đơn vị**

**- Sứ mệnh:**

"Mỗi ngày đến trường là một ngày vui", "Niềm vui của các con là niềm hạnh phúc của cô" Trường mầm non Diễn Hồng là một điểm đến yêu thích của trẻ nơi mà gia đình cộng đồng, nhà trường cùng nhau hợp tác giúp trẻ hoàn thiện thể giới tuổi thơ và học hỏi không ngừng, và từ đó xây dựng vững chắc cho tương lai của trẻ.

**- Tầm nhìn:**

Duy trì và củng cố chất trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Phân đầu đến năm 2026 đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 trường CQG mức độ 1. Tạo dựng thương hiệu ‘Trường học an toàn, thân thiện, hạnh phúc’. Đến năm 2030 là trường mầm non hiện đại về cơ sở vật chất, là một trường chất lượng cao, là địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh trong và ngoài xã. Tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, khỏe mạnh, tự tin, hồn nhiên, trẻ hoạt động tích cực, phát triển toàn diện

**- Mục tiêu**

Đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục mầm non, không ngừng sáng tạo nhằm đem đến niềm vui cho trẻ đến trường. Giúp trẻ có nền tảng giáo dục toàn diện,

năng động, sáng tạo, hợp tác, vui vẻ, nhằm chuẩn bị cho trẻ trở thành những công dân toàn cầu trong tương lai

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị**

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển trường gặp không ít khó khăn, các lớp học, nhóm trẻ được đặt rải rác tại các nhà văn hóa thôn, xóm, cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu thốn, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thay đổi theo từng năm không ổn định. Song với sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cùng sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo địa phương, các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, đến nay trường đã có 2 điểm trường tập trung với tổng diện tích là 7405 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích văn phòng là 60 m<sup>2</sup>, diện tích các phòng học đủ 55 m<sup>2</sup>, diện tích sân chơi là 3500 m<sup>2</sup>. Năm học 2024-2025 nhà trường có 20 phòng học kiên cố và 3 phòng học bán kiên cố, diện tích mỗi phòng học đủ 55m<sup>2</sup>, các phòng học được trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi, học liệu phong phú đảm bảo tính an toàn và khoa học. Trường có 23 nhóm/ lớp (3 nhóm trẻ, 5 lớp 3 tuổi, 7 lớp 4 tuổi, 7 lớp 5 tuổi với 640 học sinh). Nhà trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 62 người, trong đó có 3 CBQL, người 45 giáo viên, có 14 nhân viên (Kể cả nhân viên hợp đồng).

Trường MN Diễn Hồng nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc, Trường công nhân lại Chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2020, . Nhà trường đang nỗ lực từng bước, phấn đấu đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm học 2025-2026.

Năm học 2024-2025, trường có 640 học sinh từ 24-72 tháng tuổi gồm 3 nhóm trẻ và 20lớp mẫu giáo:

| <b>Nhóm – lớp</b>                        | <b>Số nhóm -lớp</b> | <b>Số học sinh</b> | <b>Số giáo viên</b> | <b>Nhân viên</b> |
|------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|------------------|
| Nhóm 24 <sup>th</sup> - 36 <sup>th</sup> | 03                  | 75                 | 6                   | 4                |
| Lớp 3-4 tuổi                             | 05                  | 108                | 9                   | 3                |
| Lớp 4-5 tuổi                             | 07                  | 190                | 14                  | 3                |
| Lớp 5-6 tuổi                             | 08                  | 267                | 16                  | 4                |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>23</b>           | <b>640</b>         | <b>45</b>           | <b>14</b>        |

### **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: Ngô Thị Tình

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Diễn Hồng

Điện thoại: 0365 471 032. Gmail: [mndienhong.dc@nghean.edu.vn](mailto:mndienhong.dc@nghean.edu.vn)

## 7. Tổ chức bộ máy

### a. Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập vào năm 1960 tiền thân là Trường mẫu giáo Diễn Hồng, năm 1996 hợp nhất nhà trẻ và mẫu giáo và được đổi tên thành trường Mầm non Diễn Hồng. Năm học 2011- 2012 trường được chuyển đổi thành Trường Mầm non công lập tự chủ 1 phần kinh phí theo QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diễn Châu .

### b. Quyết định thành lập Hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 3889/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 và được kiện toàn theo quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 3 tháng 10 năm 2024 của UBND Huyện Diễn Châu về việc công nhận hội đồng trường. Hội đồng Trường Mầm Non Diễn Hồng gồm 09 thành viên do Bà: Ngô Thị Tình làm Chủ tịch Hội đồng trường.

### DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

| TT | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh | Chức danh, chức vụ trong đơn vị | Đơn vị công tác (theo trường) |
|----|-----------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| 1  | Ngô Thị Tình    | 25/12/1976            | Hiệu trưởng                     | MN Diễn Hồng                  |
| 2  | Trịnh Thị Thủy  | 02/10/1983            | TTNT                            | MN Diễn Hồng                  |
| 3  | Nguyễn Thị Nhị  | 10/10/1980            | Phó HT                          | MN Diễn Hồng                  |
| 4  | Trần Thị Hoa    | 20/06/1979            | Phó HT                          | MN Diễn Hồng                  |
| 5  | Trần Thị Phượng | 06/07/1987            | CTCĐ                            | MN Diễn Hồng                  |
| 6  | Hồ Thị Hòa      | 07/06/1992            | Bí Thư ĐTN                      | MN Diễn Hồng                  |
| 7  | Nguyễn Thị Ngọc | 27/12/1984            | TTMG                            | MN Diễn Hồng                  |
| 8  | Nguyễn Văn Long | 01/12/1954            | BCHHCMHS                        | MN Diễn Hồng                  |
| 9  | Trương Sỹ Huynh | 17/7/1977             | PCTUBND Xã                      | MN Diễn Hồng                  |

(Danh sách này gồm có 09 người)

### c. Các quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục.

- Hiệu trưởng là Bà Ngô Thị Tình được luân chuyển về làm hiệu trưởng theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND huyện Diễn Châu ngày 2/8/2021;

- Có 2 phó hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Nhị được luân chuyển về làm phó hiệu

trưởng theo quyết định số 634/QĐ-UBND huyện Diễn Châu ngày 12/3/2024 ;

- Bà Trần Thị Hoa được bổ nhiệm PHT theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND huyện Diễn Châu ngày 22/8/2024.

#### **d. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường**

Trường Mầm non Diễn Hồng là trường công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động do Phòng Giáo dục & Đào tạo Diễn Châu trực tiếp quản lý chỉ đạo. Hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện theo mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục dựa theo các văn bản của nhà nước và Bộ Giáo dục - Đào tạo hàng năm. Nhà trường có kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ năm học theo các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, chỉ thị của UBND Huyện, và hướng dẫn của phòng Giáo dục & Đào tạo Diễn Châu.

- Chi bộ của nhà trường trực thuộc Đảng bộ xã Diễn Hồng, chi bộ đảng lãnh đạo trực tiếp và toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.

- Công đoàn giáo dục nhà trường là tổ chức cơ sở trực thuộc công Đoàn lao động huyện Diễn Châu, tổ chức phong trào thi đua trong cán bộ, công nhân viên chức và lao động là tổ chức đại diện quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục.

- Quan hệ giữa Hiệu trưởng, Công đoàn là quan hệ phối hợp cộng tác dưới sự lãnh đạo của Chi bộ đảng trong nhà trường. Hàng tháng thực hiện chế độ giao ban để phối hợp hoạt động; Cán bộ quản lý, Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn, trưởng phải thường xuyên làm việc tại trường để giải quyết công việc được phân công.(nếu có việc riêng chỉ được nghỉ tối đa 01 ngày/ tháng, nhưng phải hoàn thành nhiệm vụ)

- Lễ lối làm việc và quan hệ công tác trong Trường Mầm non Diễn Hồng phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

**1.** Hiệu trưởng là người lãnh đạo và đứng đầu nhà trường; thực hiện quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Phòng Giáo dục và Đào tạo và UBND huyện về toàn bộ công việc thuộc chức năng thẩm quyền của mình kể cả khi đã phân công hoặc uỷ nhiệm cho Phó Hiệu trưởng.

**2.** Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo những nhiệm vụ công tác của nhà trường do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và các cấp quản lý về lĩnh vực công tác được giao kể cả khi đã phân công cho Tổ trưởng giải quyết.

**3.** Các tổ trưởng tổ chuyên môn có trách nhiệm:

- Tham mưu đề xuất những biện pháp giúp hiệu trưởng thực hiện tốt những qui định của quy chế này;

- Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động trong tổ.
- Thực hiện nghiêm túc lễ lối làm việc trong tổ, giữa các tổ với nhau và tổ chuyên môn với nhà trường; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của tổ và những quy định của Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường.

**4.** Trong chỉ đạo và điều hành công việc, Lãnh đạo nhà trường và các Tổ trưởng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng, đồng thời phát huy tinh thần chủ động, tính sáng tạo, ý thức trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ, giáo viên, đảm bảo trật tự kỷ cương của nhà trường.

**5.** Lãnh đạo nhà trường, cán bộ, công chức, viên chức trong trường làm việc căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật và phải có kế hoạch, lịch làm việc.

**6.** Tập thể nhà trường phải bảo đảm thống nhất trong công tác chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tham mưu và quản lý, thực hiện chủ trương cải cách hành chính, không gây phiền hà cho phụ huynh, học sinh và đồng nghiệp.

**e. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:**

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường:
- Kế hoạch số 12 /KH-TMN ngày 15/01/2024 kế hoạch rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 81/QĐ-TMN ngày 08/9/2024 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” Năm học: 2024-2025.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

**1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường gồm 62 người (Biên chế: 50, hợp đồng trường 12 ) trong đó:**

|             | Tổng số | Nữ | Trình độ đào tạo  |              |               | Tỷ lệ hoàn thành b i<br>dư ng hằng năm<br>theo quy định |
|-------------|---------|----|-------------------|--------------|---------------|---------------------------------------------------------|
|             |         |    | Chưa đạt<br>chuẩn | Đạt<br>chuẩn | Trên<br>chuẩn |                                                         |
| Hiệu trưởng | 01      | 01 | 0                 | 01           | 01            | 01/01; TL 100%                                          |
| Phó.HT      | 02      | 02 | 0                 | 02           | 02            | 02/02; TL 100%                                          |
| Giáo viên   | 45      | 45 | 0                 | 45           | 42            | 42/45; TL 85 %                                          |

|             |           |           |          |           |           |              |
|-------------|-----------|-----------|----------|-----------|-----------|--------------|
| Nhân viên   | 2         | 2         | 0        | 2         | 1         | 01/2; TL 50% |
| <b>Cộng</b> | <b>50</b> | <b>50</b> | <b>0</b> | <b>50</b> | <b>47</b> |              |

## 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá: Tốt
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 47 (trong đó Tốt: 45/47 =

96 %; Khá 2 /47 = 4 %).

## II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

III. Toàn trường có 35 phòng được khai thác sử dụng làm phòng học và các phòng chức năng. Cụ thể như sau:

| TT         | Tên phòng                              | Số lượng | Ghi chú           |
|------------|----------------------------------------|----------|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>KHỐI HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ</b>        | 7        | Phòng làm việc    |
| 1          | Hiệu trưởng                            | 1        |                   |
| 2          | Phó Hiệu trưởng                        | 2        |                   |
| 3          | Văn phòng                              | 1        |                   |
| 4          | Bảo vệ                                 | 2        |                   |
| 5          | Phòng kế toán                          | 1        |                   |
| <b>II</b>  | <b>KHỐI PHÒNG HỌC TẬP</b>              | 26       |                   |
| 1          | Phòng học                              | 23       |                   |
| 2          | Âm nhạc                                | 2        |                   |
| 3          | Thể chất                               | 1        |                   |
| 4          | Tin học                                | 0        |                   |
| 5          | Ngoại ngữ                              | 2        |                   |
| 6          | Phòng đa năng                          |          |                   |
| <b>III</b> | <b>KHỐI HỖ TRỢ HỌC TẬP</b>             |          |                   |
| 1          | Thư viện                               | 0        |                   |
| 2          | Thiết bị                               | 0        |                   |
| 3          | Tư vấn học đường                       | 0        |                   |
| 4          | Phòng đoàn thanh niên                  | 0        |                   |
| 5          | Phòng truyền thống                     | 0        |                   |
| <b>IV</b>  | <b>KHỐI PHỤ TRỢ</b>                    |          |                   |
| 1          | Phòng họp toàn thể giáo viên nhân viên | 1        |                   |
| 2          | Phòng họp tổ chuyên môn                | 0        | Sử dụng văn phòng |
| 3          | Y tế                                   | 1        |                   |
| 4          | Nhà kho                                | 1        |                   |
| 5          | Phòng nghỉ nhân viên                   | 1        |                   |
| 6          | Phòng GV                               | 0        |                   |
| 7          | Khu để xe GV                           | 2        |                   |
| 8          | Khu vệ sinh HS                         | 23       |                   |

|           |                              |    |                                    |
|-----------|------------------------------|----|------------------------------------|
| 9         | Khu vệ sinh GV               | 02 |                                    |
| 10        | Cổng, tường rào              | 02 | Cổng, tường rào bao quanh          |
| <b>V</b>  | <b>KHU SÂN CHƠI, TDTT</b>    |    |                                    |
| 1         | Sân chung toàn trường        | 02 |                                    |
| 2         | Sân tập TDTT                 |    |                                    |
| 3         | Nhà đa năng                  | 1  |                                    |
| <b>VI</b> | <b>THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ</b> |    |                                    |
|           |                              |    | Trang bị phòng làm việc hành chính |
| 1         | Máy vi tính                  | 05 |                                    |
| 2         | Phần mềm phục vụ dạy học     | 04 |                                    |
| 3         | Đàn                          | 4  |                                    |
| 4         | Ti vi                        | 16 |                                    |
| 5         | Đường truyền Internet        | 02 |                                    |

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu )

|      |                                                      | Có | Không |
|------|------------------------------------------------------|----|-------|
| XI   | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh                     | x  |       |
| XII  | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)                   | x  |       |
| XIII | Kết nối internet                                     | x  |       |
| XIV  | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | x  |       |
| XV   | Tường rào xây                                        | x  |       |

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Đơn vị được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 vào năm 2020 của ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An.
- Năm học 2024-2025, tiếp tục chỉ đạo Cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ xây dựng cơ sở vật chất, nâng chất lượng các tiêu chuẩn rà soát các chỉ số tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình đúng tiến độ đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh: Năm học: 2024-2025

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo kế hoạch số 79/KH-MN-BTĐB ngày 23 tháng 7 năm 2024, có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh. Có tổ chức công khai trên trang web và công khai tại bản tin của nhà trường.

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Trẻ sinh năm 2019; 2020; 2021, 2022 có hộ khẩu, hoặc tạm trú trên địa bàn các thôn xóm thuộc xã Diên Hồng.

**Chỉ tiêu tuyển sinh:**

Tổng số lớp: 23 nhóm lớp trong đó Nhà trẻ: 3 nhóm; Mẫu giáo: 20 lớp (Lớp MG 3-4 tuổi: 5 lớp; MG 4-5 tuổi: 7 lớp; MG 5-6 tuổi: 8 lớp)

**Thời gian tuyển sinh:**

- Ngày 7/8/2023: Nhà trường tiến hành nhận hồ sơ tuyển sinh trực tiếp tại trường (*Lưu ý: Nhà trường nhận tất cả các hồ sơ trẻ có nhu cầu*).

**b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:**

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Công khai trên cổng thông tin điện tử kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần/ngày;

**c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội:**

Nhà trường thực hiện Quy chế phối hợp với các ban ngành trong công tác giáo dục.

**d. Thực đơn hàng ngày của trẻ em:**

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định. Xây dựng thực đơn hàng ngày trên phần mềm, đạt khẩu phần theo quy định gồm 2 bữa chính và 1 bữa phụ cho trẻ bán trú, khẩu phần cả ngày cho trẻ luôn đạt 50% - 51% cho trẻ mẫu giáo và 62% - 63% cho trẻ nhà trẻ.

Công khai trên cổng thông tin điện tử dự kiến thực đơn hàng tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước;

**đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định**

Nhà trường tổ chức các lớp học ngoại khóa theo quy định tại *Nghị quyết số 31/NQ-HĐND quy định mức thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An*;

- Lớp học ngoại ngữ: 21,000đ trẻ/tiết

**2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2023-2024:**

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ          | Mẫu giáo |          |          |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|----------|----------|----------|
|            |                                                                  |                | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            |                |                  |          |          |          |
| 2          | Số trẻ em 2 buổi/ngày                                            | 640            | 75               | 108      | 190      | 267      |
| 2          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                | 0              | 0                | 0        | 0        | 0        |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | 640            | 75               | 108      | 190      | 267      |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | 640            | 75               | 108      | 190      | 267      |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | 640            | 75               | 108      | 190      | 267      |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    |                |                  |          |          |          |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | 618            | 72               | 105      | 184      | 259      |
| 2          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | 22             | 3                | 5        | 6        | 8        |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | 616            | 72               | 103      | 183      | 258      |
| 4          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                               | 24             | 3                | 5        | 7        | 9        |
| 5          | Số trẻ thừa cân béo phì                                          | 7              | 2                | 2        | 1        | 2        |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          |                |                  |          |          |          |
| 1          | Chương trình giáo dục nhà trẻ                                    | 75             | 0                | 0        | 0        | 0        |
| 2          | Chương trình giáo dục mẫu giáo                                   | 565            |                  | 108      | 190      | 267      |

## **VI. KẾT QUẢ CHI TÀI**

### **I. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025.**

| TT       | Nội Dung                                                                       | ĐVT  | Tổng số tiền thu trong năm | Tổng số tiền chi trong năm | Tồn cuối kỳ      |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------|----------------------------|------------------|
| <b>A</b> | <b>Các khoản thu theo quy định năm học 2024 - 2024</b>                         |      |                            |                            |                  |
| <b>I</b> | <b>Thu -chi học phí (Thu học phí Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021</b> | Đồng | <b>606.016.800</b>         | <b>596.656.800</b>         | <b>9.360.000</b> |
| <b>1</b> | <b>Phần thu học phí</b>                                                        | Đồng | <b>606.016.800</b>         |                            |                  |
|          | Tồn tiền mặt và tiền gửi đến 31/08/2024                                        | Đồng | 29.016.800                 |                            |                  |
|          | Thu học phí từ tháng 09/2024 - 05/2025+ cấp bù MGHP                            | Đồng | 577.000.000                |                            |                  |

|            |                                                                                  |             |                      |                      |                   |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|-------------------|
| <b>2</b>   | <b>Phần chi học phí</b>                                                          | <b>Đồng</b> |                      | <b>596.656.800</b>   |                   |
|            | Học phí trả lương cán bộ, giáo viên                                              | Đồng        |                      | 317.742.800          |                   |
|            | Chi lương NVHD trường                                                            | Đồng        |                      | 66.000.000           |                   |
|            | Mua vật tư văn phòng                                                             | Đồng        |                      | 46.659.800           |                   |
|            | Tiền thông tin, truyền thông, liên lạc                                           | Đồng        |                      | 7.209.000            |                   |
|            | Chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác CM và các công trình cơ sở hạ tầng | Đồng        |                      | 93.878.000           |                   |
|            | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn tăng ngành                                          | Đồng        |                      | 50.948.000           |                   |
|            | Chi khác                                                                         | Đồng        |                      | 14.219.200           |                   |
| <b>3</b>   | <b>Tồn quỹ học phí đến 31/08/2025</b>                                            | <b>Đồng</b> |                      |                      | <b>9.360.000</b>  |
|            | .Tồn tiền mặt và tiền gửi                                                        | Đồng        |                      |                      | 9.360.000         |
| <b>II</b>  | <b>Thu -chi Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>                                   | <b>Đồng</b> | <b>32.392.000</b>    | <b>10.965.000</b>    | <b>21.427.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Phần thu tiền CSSK ban đầu</b>                                                | <b>Đồng</b> | <b>32.392.000</b>    |                      |                   |
|            | Tồn tiền gửi KB đến 31/08/2024                                                   | Đồng        |                      |                      |                   |
|            | Thu từ tháng 09/2024 - 08/2025                                                   | Đồng        | 32.392.000           |                      |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phần chi chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>                                        | <b>Đồng</b> |                      | <b>10.965.000</b>    |                   |
|            | Chi mua thuốc cho phòng y tế                                                     | Đồng        |                      | 2.460.000            |                   |
|            | Chi tiền khám sức khỏe định kỳ cho trẻ                                           | Đồng        |                      | 8.505.000            |                   |
| <b>3</b>   | <b>Tồn quỹ CSSKBD đến 31/08/2025</b>                                             | <b>Đồng</b> |                      |                      | <b>21.427.000</b> |
|            | Tồn tiền mặt                                                                     | Đồng        |                      |                      | -                 |
|            | Tồn tiền gửi kho bạc                                                             | Đồng        |                      |                      | 21.427.000        |
| <b>III</b> | <b>Thu - chi tiền ngân sách năm 2024</b>                                         | <b>Đồng</b> | <b>7.947.623.000</b> | <b>7.947.623.000</b> | <b>-</b>          |
| <b>1</b>   | <b>Phần thu ngân sách 2024</b>                                                   | <b>Đồng</b> | <b>7.947.623.000</b> |                      |                   |
|            | Năm 2024 ngân sách UBND huyện cấp                                                | Đồng        | <b>7.947.623.000</b> |                      |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phần chi ngân sách</b>                                                        | <b>Đồng</b> |                      | <b>7.947.623.000</b> |                   |
|            | Chi phụ cấp lương và khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương năm 2024   | Đồng        |                      | 6.968.253.800        |                   |

|           |                                                                                                                  |             |                    |                    |                  |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|------------------|
|           | Chi mua sắm sửa chữa csvc                                                                                        | Đồng        |                    | 110.098.000        |                  |
|           | Chi khen thưởng                                                                                                  | Đồng        |                    | 272.504.000        |                  |
|           | Chi trả tiền ăn ,tiền CPHT– tiền miễn giảm học phí 2024-2025                                                     | Đồng        |                    | 39.880.000         |                  |
|           | Chi VPP,tiền điện, internet,lương nv bảo vệ                                                                      | Đồng        |                    | 105.685.200        |                  |
|           | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn tăng ngành                                                                          |             |                    | 223.647.000        |                  |
|           | Chi các khoản khác                                                                                               | Đồng        |                    | 227.555.000        |                  |
| <b>3</b>  | <b>Tồn tiền quỹ ngân sách 2024</b>                                                                               | <b>Đồng</b> |                    |                    | <b>-</b>         |
| <b>B</b>  | <b>Các khoản tự nguyện - thỏa thuận năm học 2024 - 2025</b>                                                      | <b>Đồng</b> |                    |                    |                  |
| <b>I</b>  | <b>Tiền vận động tài trợ</b>                                                                                     | <b>Đồng</b> | <b>213.788.000</b> | <b>208.439.000</b> | <b>5.349.000</b> |
| <b>1</b>  | <b>. Tồn tiền mặt và tiền gửi đến 31/08/2024</b>                                                                 | <b>Đồng</b> | <b>4.403.000</b>   |                    |                  |
| <b>2</b>  | <b>Tổng thu tiền vận động tài trợ năm học 2024 - 2025</b>                                                        | <b>Đồng</b> | 209.385.000        |                    |                  |
| <b>2</b>  | <b>Tổng chi tiền vận động tài trợ năm học 2024 - 2025</b>                                                        | <b>Đồng</b> |                    | <b>208.439.000</b> |                  |
|           | Mua 04 cái Tivi Samsung 65 inch cho các lớp                                                                      | Đồng        |                    | 49.960.000         |                  |
|           | Mua mới 01 bộ loa máy phục vụ sinh hoạt ngoài giờ lên lớp                                                        | Đồng        |                    | 12.969.000         |                  |
|           | Sơn sửa lại 6 phòng học cụm 2 Nam Hồng                                                                           | Đồng        |                    | 59.710.000         |                  |
|           | Mua bộ đồ chơi vận động liên hoàn                                                                                | Đồng        |                    | 39.000.000         |                  |
|           | Mua đồ chơi Leo núi 3 mảnh (Kích thước: 265*265*130 cm) số lượng 01 bộ x 15.200.000đ/bộ                          | Đồng        |                    | 15.200.000         |                  |
|           | Mua đồ chơi Ống chui cầu vòng (Kích thước: D2.2m*R1.0m*C1.2m) số lượng 02 bộ x 15.800.000đ/ bộ                   | Đồng        |                    | 31.600.000         |                  |
| <b>3</b>  | <b>Tồn quỹ tiền gửi kho bạc đến 31/08/2025</b>                                                                   | <b>Đồng</b> |                    |                    | <b>5.349.000</b> |
| <b>II</b> | <b>Tiền thỏa thuận cô nuôi</b>                                                                                   | <b>Đồng</b> | <b>656.970.000</b> | <b>656.970.000</b> |                  |
| <b>1</b>  | <b>Tổng thu tiền cô nuôi năm học 2024 - 2025</b>                                                                 | <b>Đồng</b> | 656.970.000        |                    |                  |
| <b>2</b>  | <b>Tổng chi tiền tiền cô nuôi năm học 2024 - 2025</b>                                                            | <b>Đồng</b> |                    | <b>656.970.000</b> |                  |
|           | Chi tiền thuê khoán nhân viên nuôi dưỡng                                                                         | Đồng        |                    | 477.000.000        |                  |
|           | Chi phí vật tư phục vụ tổ chức bán trú (đồ dùng vệ sinh, tiền điện tăng thêm do bán trú, nước uống, nước nấu ăn) | Đồng        |                    | 128.850.000        |                  |

|                        |                                                                          |             |                      |                      |                   |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|-------------------|
|                        | Chi tiền mua sắm vật dụng đồ dùng dùng chung phục vụ bán trú             | Đồng        |                      | 51.120.000           |                   |
| <b>3</b>               | <b>Tồn quỹ cô nuôi 31/08/2025</b>                                        | Đồng        |                      |                      |                   |
| <b>III</b>             | <b>Tiền thu hộ chi hộ</b>                                                | <b>Đồng</b> | <b>16.750.000</b>    | <b>16.750.000</b>    |                   |
| <b>1</b>               | <b>Tổng thu tiền hội phụ huynh năm học 2024-2025</b>                     | <b>Đồng</b> | 16.750.000           |                      |                   |
| <b>2</b>               | <b>Tổng chi tiền tiền hội phụ huynh năm học 2024-2025</b>                | <b>Đồng</b> |                      | <b>16.750.000</b>    |                   |
|                        | Chi kéo ngày lễ, hội (khai giảng, trung thu, 20/11) các cháu toàn trường | Đồng        |                      | 3.750.000            |                   |
|                        | Chi tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn dịp tết nguyên đán            | Đồng        |                      | 2.300.000            |                   |
|                        | Chi họp hội Phụ huynh (Thường kỳ + Đột xuất)                             | Đồng        |                      | 2.000.000            |                   |
|                        | Chi thăm hỏi các cháu                                                    | Đồng        |                      | 1.500.000            |                   |
|                        | Chi tổ chức ngày lễ hội mừng xuân cho trẻ                                | Đồng        |                      | 3.000.000            |                   |
|                        | Chi khen thưởng cháu tổng kết cuối năm học (Kẹo cháu + Phần thưởng)      | Đồng        |                      | 4.200.000            |                   |
| <b>3</b>               | <b>Tồn quỹ tiền hội phụ huynh 31/08/2025</b>                             | Đồng        |                      |                      | -                 |
| <b>Cân đối thu chi</b> |                                                                          | Đồng        | <b>9.473.539.800</b> | <b>9.437.403.800</b> | <b>36.136.000</b> |

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng cho đội ngũ về các chuyên đề: “Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử”; “Xây dựng trường, lớp MN Hạnh phúc” Chuyên đề “Ứng dụng PPGD tiên tiến Steam”...

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ phát triển GDMN trong giai đoạn 2021-2025, nhằm nâng cao chất lượng GD đại trà, xây dựng đội ngũ CBQL, GV giỏi, có khả năng lan tỏa chuyên môn nghiệp vụ tốt. Khuyến khích CBQL, giáo viên trong trường tự học, tự cập nhật tài liệu bồi dưỡng thường xuyên dành cho GV tại cổng thông tin điện tử của Bộ.

- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn: Chỉ đạo các Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên hai lần/tháng, các thành viên trong Tổ nắm bắt trước nội dung sinh hoạt để chuẩn bị ý kiến thảo luận trọng tâm và đạt hiệu quả.

- Tạo điều kiện cho CBQL và GV cốt cán được đi tập huấn ứng dụng PPGD Steam, ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng sư phạm và dự các chuyên đề của PGD&ĐT tổ chức. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên theo đợt, để củng cố các kiến thức về chuyên môn nhằm giúp cho giáo viên của trường nắm vững cách thức cách XD “Xây dựng

*trường mầm non hạnh phúc” và “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm”,*

## **2. Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua:**

- Ban giám hiệu đã chỉ đạo CB, GV, NV trong nhà trường tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động, các phong trào thi đua, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM*”. Đưa nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua thành những hoạt động thường xuyên, tự giác trong đơn vị, gắn với các phong trào thi đua. Chỉ đạo nghiêm túc việc thực hiện công tác tự đánh giá chuẩn HT, PHT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, để CBQL và giáo viên nhận thức được năng lực chuyên môn của mình và tự trau dồi năng lực chuyên môn của bản thân. Toàn trường không có giáo viên, nhân viên nào vi phạm quy chế chuyên môn và những điều giáo viên, nhân viên không được làm. Trong các buổi họp Chi bộ, họp Hội đồng nhà trường và sinh hoạt chuyên môn, thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở CB, GV, NV thực hiện tốt các cuộc vận động do cấp trên đề ra.

BGH Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên, nhân viên tích cực huy động nguồn nguyên phế liệu, sưu tầm cây xanh, cây cảnh và các loại rau để trồng, cải tạo môi trường xanh sạch, môi trường học tạo lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo an toàn cho trẻ. Thực hiện tốt công tác giáo dục trẻ có hành vi văn minh trong giao tiếp, có thói quen giao tiếp văn minh, lịch sự. Gắn vệ sinh môi trường, tích cực sưu tầm các trò chơi dân gian và các bài hát dân ca để đưa vào chương trình CS&GD trẻ.

- 100 % GV, NV thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học của đơn vị, làm việc có khoa học, ứng xử có văn hóa trong giao tiếp, tận tụy với nhiệm vụ được giao, tích cực học tập, tâm huyết với nghề.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt công tác hoạt động từ thiện: Ủng hộ quỹ vì người nghèo; Quỹ xã hội, Quỹ vì biển đảo; quỹ nhân đạo, quỹ phòng chống thiên tai, phong trào hiến máu nhân đạo...

- 100% CB, GV, NV thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp. Tạo mọi điều kiện và cơ hội động viên, khuyến khích giáo viên, CBQL học tập và sáng tạo; đội ngũ nhà giáo luôn tâm huyết sáng tạo, tận tụy yêu nghề mến trẻ. Không có CB, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

## **3. Ứng dụng công nghệ thông tin:**

BGH đã trực tiếp chỉ đạo tới các đồng chí Tổ trưởng các tổ CM, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, để hướng dẫn bồi dưỡng cho 100% giáo viên đều có những kỹ năng ứng dụng CNTT tốt, phục vụ cho công tác giáo dục trẻ.

Với sự phát triển tốc độ nhanh về CNTT của cả nước ở mức độ 4.0, thì đối với CB, VG, NV của nhà trường cũng đã có nhiều cố gắng, nỗ lực hết mình nhanh chóng tiếp cận phương pháp mới, những công nghệ cao để đưa CNTT của nhà trường ngày một đi lên. Cho đến nay phong trào vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy

mạnh, tập thể CB, GV, NV nhà trường vẫn đang tiếp tục bồi dưỡng và không ngừng học tập, đề trau dồi hơn nữa, nhằm nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT vào công tác chuyên môn của bản thân và ứng dụng có hiệu quả vào công tác quản lý và chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường.

#### ***4. Tăng cường truyền thông về Giáo dục mầm non:***

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc đẩy mạnh hoạt động truyền thông, nhằm triển khai, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ, Sở về đổi mới và phát triển GDMN. Thường xuyên phối hợp với UBND xã, các ban ngành đoàn thể của địa phương, đài truyền thanh của xã, các bậc phụ huynh để tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường như tổ chức các ngày hội ngày lễ (Khai giảng năm học mới, Tết trung thu, 20/11, 8/3...), công tác tuyển sinh, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ; đồng thời tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN của nhà trường, của Huyện. Đã thực hiện lồng ghép các nội dung tuyên truyền trực tiếp thông qua các buổi họp CMHS 3 lần/năm để tuyên truyền về chương trình dạy trẻ các độ tuổi; Đề án giáo dục mầm non; Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và các biện pháp nuôi dạy con khoa học, cách phòng tránh dịch bệnh....

- Đã thành lập Ban đại diện của CMHS lớp và của trường, các nhóm Zalo, Facebook của trường, các nhóm lớp để trao đổi thông tin 2 chiều với phụ huynh kịp thời và thực hiện việc đăng tải các nội dung cần trao đổi, thống nhất phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao

- 100% CBQL, GV, NV trong trường đã biết khai thác các nền tảng công nghệ, để truyền thông nâng cao về nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ. Đẩy mạnh phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng về chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh.

- 100% các nhóm lớp đều có bảng tin, chuyên mục Album hình ảnh đẹp, để truyền thông giới thiệu quảng cáo về nhà trường, điều kiện và các hoạt động, chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Hầu hết GV các nhóm, lớp đã biết đẩy mạnh và đổi mới hình thức truyền thông, giới thiệu quảng cáo về lớp, nhà trường, điều kiện và các hoạt động, chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng GD trẻ... trên các phương tiện truyền thông như: Bảng tin của lớp, nhóm Zalo, nhóm Facebook...

- Nhân viên Y tế của nhà trường đã thực hiện việc phối kết hợp với GV các lớp, để làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch, chế độ dinh dưỡng cân đối giúp trẻ phát triển thể chất; Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, hoạt động vận động, đối với trẻ SDD và trẻ thừa cân, béo phì.

#### ***5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin***

- Công khai trên cổng thông tin điện tử nhà trường hình ảnh các hoạt động như: tuyển sinh, đoàn thể, bài viết tuyên truyền, tin tức sự kiện...

- Tiếp tục phát huy, đẩy mạnh phong trào thiết kế các video hướng dẫn nhằm phục vụ hoạt động giáo dục trẻ bằng các phần mềm, ứng dụng như: PowerPoint; Canva, Capcut, Viva video, Mind Meneger một cách hiệu quả.

- Thực hiện tốt việc cập nhật kho dữ liệu bài giảng trực tuyến chung của nhà trường.

- Nhà trường ứng dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý Chương trình GDMN của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý như: Imas (Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp), Nutifood (Cân đo trẻ), Epmis (Cập nhật thông tin nhân sự), phần mềm quản lý sáng kiến, phần mềm tính khẩu phần bán trú, phần mềm kiểm định chất lượng, TEMIS (phần mềm đánh giá Chuẩn nghề nghiệp)... Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục và mạng nội bộ.

- 96% CB-GV sử dụng và áp dụng việc thiết kế các bài giảng bằng các phần mềm tốt trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ giữa gia đình - nhà trường và cộng đồng, tuyên truyền để cha mẹ trẻ tham gia tích cực các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với tình hình dịch bệnh như: sốt xuất huyết...

- Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục mầm non:

- + Cổng thông tin điện tử nhà trường
- + Phần mềm cơ sở dữ liệu
- + Phần mềm cán bộ công chức
- + Phần mềm quản lý văn bản đi đến:
- + Hệ thống quản trị nội dung trang thông tin điện tử:  
<https://mam.nondienhong.dienchau.edu.vn/adim>
- + Chữ ký số.
- + Cập nhật mã định danh cho trẻ.

### **Danh hiệu thi đua trường đạt được trong năm**

- 1.Trường đạt: Tập thể lao động tiên tiến
- 2.Chi Bộ “ Hoàn thành tốt nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2025”
- 3.Công đoàn: “Công đoàn Vững mạnh - Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.
4. Đoàn thanh niên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 (*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) của trường mầm non Diễm Hồng.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD&ĐT (để B/c);
- CBGVNV trong trường (để T/h);
- Lưu VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

Ngô Thị Tình